

Bản án số: 36/2025/DS-ST
Ngày: 05 - 8 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thùy Dương
2. Bà Đỗ Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29/7 và ngày 05/8/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 929/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2024 về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 216/2025/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2025 Thông báo thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số 58 ngày 25/6/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N1 (VCB); địa chỉ trụ sở chính: Số A T, phường H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thúy N - Chức vụ: Trưởng phòng Khách hàng doanh nghiệp; ông Phạm Trần Trung H - Chức vụ: Phó Trưởng phòng Khách hàng doanh nghiệp; bà Nguyễn Thị Phương A - Chức vụ: Phó Trưởng phòng Khách hàng doanh nghiệp; Ông Trần Thanh H1 - Chức vụ: Phó Trưởng phòng Khách hàng doanh nghiệp của Ngân hàng TMCP N1 - Chi nhánh B; địa chỉ: Số A Đại lộ B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (số 1479 ngày 02/8/2024), có đơn đề nghị vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Hồ Thị L, sinh năm 1992; địa chỉ thường trú: Tổ A, Khu phố A, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, SĐT 0963.181.710, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện đề ngày 02/8/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 26/6/2021, Ngân hàng TMCP N1 - C và bà Hồ Thị L có ký kết Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V kèm hợp đồng của Khách hàng. Loại thẻ bà L sử dụng là V Visa, số tài khoản thẻ: V0280005404. Hạn mức thẻ: 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Thời hạn hiệu lực thẻ: tháng 06/2021 - tháng 06/2026. Lãi suất thẻ tín dụng: Theo thông báo của VCB trong từng thời kỳ, hiện áp dụng là 18%/năm. Ngày chốt sao kê là ngày 20 hàng tháng và ngày đến hạn thanh toán sao kê là ngày 05 của tháng kế tiếp.

Phí: theo thông báo của VCB trong từng thời kỳ, cụ thể hiện nay là:

- Phí không thanh toán đủ số tiền thanh toán tối thiểu (phí phạt chậm thanh toán): 3% trị giá thanh toán tối thiểu chưa thanh toán, tối thiểu là 100.000 đồng (trong đó trị giá thanh toán tối thiểu = [(Số dư nợ cuối kỳ sao kê ngoài trả góp x Tỷ lệ thanh toán tối thiểu) + Số tiền thanh toán tối thiểu của các kỳ sao kê trước chưa trả + Số tiền sử dụng vượt hạn mức tín dụng trong kỳ sao kê (nếu có) + Các khoản trả góp định kỳ (nếu có)].

- Phí vượt hạn mức:

+ Vượt quá hạn mức từ 01 đến 05 ngày: 8%/năm số tiền vượt hạn mức.

+ Từ 06 đến 15 ngày: 10%/năm số tiền vượt hạn mức.

+ Từ ngày thứ 16 trở đi: 15%/năm số tiền vượt hạn mức.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng bà L đã thực hiện các giao dịch với tổng dư nợ 29.925.242 đồng. Đến tháng 8/2023, bà L không trả nợ theo thỏa thuận nên ngân VCB chuyển sang nợ quá hạn và khóa thẻ vào ngày 13/10/2023.

Tính đến hết ngày 29/5/2025, bà L còn nợ VCB số tiền 65.202.846 đồng, trong đó nợ gốc 29.925.242 đồng, nợ lãi 9.878.541 đồng, phí phạt chậm thanh toán 25.399.063 đồng.

- **Bị đơn bà Hồ Thị L:** Quá trình giải quyết vụ án, bà L không đến Tòa án làm việc, hòa giải; không giao nộp văn bản ghi ý kiến và giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên tòa,

- Đại diện nguyên đơn ông Phạm Trần Trung H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, giao nộp cho Tòa án Văn bản đề ngày 29/7/2025 về việc cung cấp thông tin hồ sơ khởi kiện bà Hồ Thị L liên quan đến nợ gốc và lãi của bà L đối với khoản vay theo theo Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế V ngày 26/6/2021 sau: Nợ gốc: 29.925.242 đồng, nợ lãi 10.778.749 đồng và phí phạt chậm thanh toán 25.399.063 đồng. Tổng cộng: 66.103.054 đồng.

- Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không đến tham gia phiên tòa. Do đó, căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa xét xử vắng mặt bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N1 là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án (quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015). Do tranh chấp phát sinh từ hoạt động của Ngân hàng TMCP N1 - Chi nhánh B (địa chỉ phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) nên Ngân hàng TMCP N1 lựa chọn Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về thời hiệu khởi kiện, do bị đơn không có yêu cầu áp dụng quy định về thời hiệu khởi kiện, vì vậy Tòa án không nhận định về thời hiệu khởi kiện, xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện (quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự).

[2] Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện về tiền lãi của đại diện nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu của nguyên đơn, phù hợp Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa chấp nhận.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thông báo cho bà L đến Tòa án để giải quyết việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với Ngân hàng TMCP N1. Tuy nhiên, bà L không đến. Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Sau khi kết thúc phiên họp, Tòa án thông báo kết quả phiên họp cho bà L biết để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định nhưng bà L không có ý kiến phản bác lời trình bày của đại diện nguyên đơn và các giấy tờ, tài liệu do nguyên đơn giao nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa căn cứ lời trình bày và chứng cứ do nguyên đơn giao nộp để giải quyết vụ án.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

[4.1] Xét Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế V ban hành kèm theo yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế V ngày 26/6/2021, thấy rằng:

Về hình thức và nội dung của thẻ tín dụng không trái pháp luật, phù hợp Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 23; khoản 1, 4 Điều 27 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Thống đốc Ngân hàng N2 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng và hoạt động thẻ ngân hàng nên phát sinh hiệu lực.

Xét thấy, thẻ tín dụng trên là loại hợp đồng vay có kỳ hạn, có lãi suất. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà L không thanh toán tiền nợ gốc và lãi đúng thời hạn là vi phạm nghĩa vụ của bên vay được quy định trong Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế V ban hành kèm theo yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế V ngày 26/6/2021, vi phạm Điều 466 Bộ luật Dân sự. Do đó, Ngân hàng TMCP N1 khởi kiện yêu cầu bà L trả nợ là hoàn toàn chính đáng, phù hợp Điều 21 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng N2 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 nên Tòa chấp nhận.

[4.2] Về lãi suất và tiền lãi:

Theo quy định tại Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng và Điều 13, 14 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng N2 thì tổ chức tín dụng được quyền thỏa thuận mức lãi suất cho vay, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và các loại phí liên quan đến hợp đồng tín dụng với bên vay.

Đối chiếu các quy định pháp luật nêu trên, xét thấy thỏa thuận về mức lãi suất và các loại phí trong Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế V ban hành kèm theo yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế V ngày 26/6/2021 giữa Ngân hàng TMCP N1 và bà L không trái quy định pháp luật nên Tòa chấp nhận số tiền lãi ngân hàng yêu cầu bà L trả theo Văn bản ngày 29/7/2025 của Ngân hàng TMCP N1.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Hồ Thị L phải chịu án phí trên số tiền nợ phải trả cho nguyên đơn. Ngân hàng TMCP N1 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 92, 147, 227, 228, 244, 266, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015 và các điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N1 đối với bị đơn bà Hồ Thị L về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

- Về tiền nợ: Buộc bà Hồ Thị L trả cho Ngân hàng TMCP N1 tổng số tiền: 66.103.054đ (sáu mươi sáu triệu một trăm lẻ ba ngàn không trăm năm mươi bốn đồng), trong đó: nợ gốc: 29.925.242 đồng, nợ lãi 10.778.749 đồng và phí phạt chậm thanh toán 25.399.063 đồng theo Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế V kèm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế V ngày 26/6/2021.

Tiền lãi, phí kể từ ngày tiếp theo của ngày 29/7/2025 trở đi được tiếp tục tính trên dư nợ gốc thực tế theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế V kèm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế V ngày 26/6/2021 cho đến khi bà L trả hết nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà L chịu số tiền 3.305.000đ (ba triệu ba trăm lẻ năm ngàn đồng).

Ngân hàng TMCP N1 được nhận lại số tiền 1.101.000đ (một triệu một trăm lẻ một ngàn đồng) đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003305, ngày 24/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND KV15-TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Bình